

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2025

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1972; Địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm T1, sinh năm: 1971; Địa chỉ: khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk).

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (T) và ông Phạm T1 tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T vào năm 2015. Chúng tôi sống chung và sinh con trước sau đó mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do ông T1 cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Đến ngày 24/4/2024 ông T1 đi làm ăn xa, rồi sau đó khoảng 1 tháng ông T1 gọi điện về kêu tôi làm đơn ly hôn, lý do gì thì tôi không biết. Từ đó đến nay ông T1 không liên lạc về gia đình, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, ông T1 không làm tròn

nghĩa vụ của một người chồng người cha. Nay tôi thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông T1 để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Phạm Trần Nhật A, sinh ngày 07/11/2011. Hiện con đang sống cùng với tôi. Ly hôn, tôi xin được nuôi con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

* *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với bị đơn; về con chung: xin được nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nguyên đơn bà Trần Thị T được ly hôn bị đơn ông Phạm Tịnh . Về con chung: Giao con chung Phạm Trần Nhật A, sinh ngày 07/11/2011 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: không xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Phạm T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị T và bị đơn ông Phạm T1 tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường P, tỉnh Đắk Lắk) vào năm 2015, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như đương sự đã trình bày. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2024 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai; vợ, chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của

nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Phạm Trần Nhật A, sinh ngày 07/11/2011. Hiện con chung đang sống cùng với nguyên đơn. Ly hôn, nguyên đơn xin được nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của con nên chấp nhận. Do nguyên đơn không yêu cầu nên bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con; bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn ông Phạm Tịnh .

- Về con chung: Giao con chung Phạm Trần Nhật A, sinh ngày 07/11/2011 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0005897 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND KV11;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- UBND phường Phú Lâm (nay là phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk); (Giấy CNKH số 35, ngày 14/5/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN